KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	13,900 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần — 2024: 140 tỷ VNĐ — YoY ▲ 1.00 ▲ 0.1%

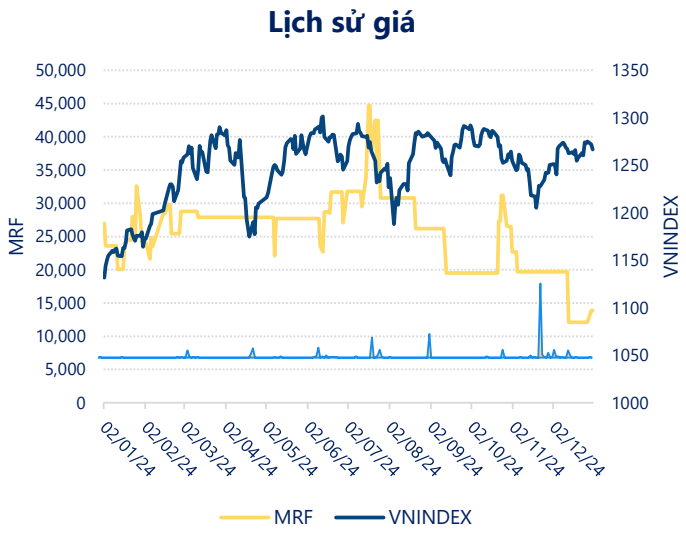
LN gộp — 2024: 9.79 tỷ VNĐ — YoY ▼ 15.6 ▼ 61.4%

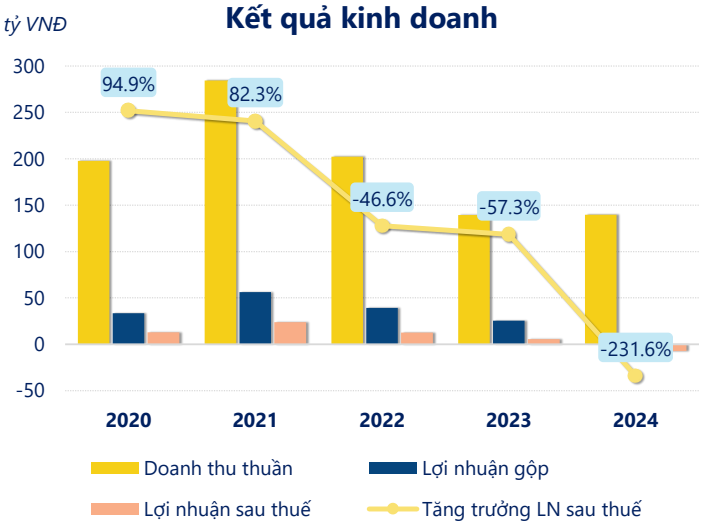
LN thuần — 2024: -6.96 tỷ VNĐ — YoY ▼ 14.9 ▼ 188%

LN sau thuế — 2024: -7.12 tỷ VNĐ — YoY ▼ 12.5 ▼ 232%

ROE — 2024: -8.9% — +/- YoY ▼ 14.9%

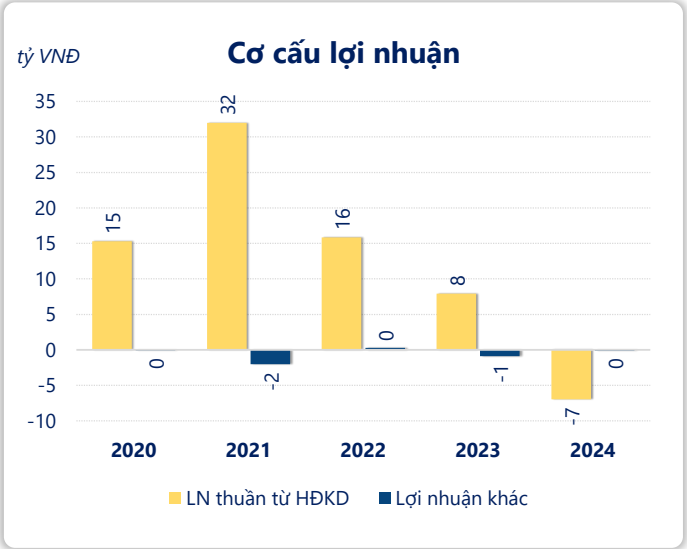
ROA — 2024: -7.0% — +/- YoY ▼ 12.0%

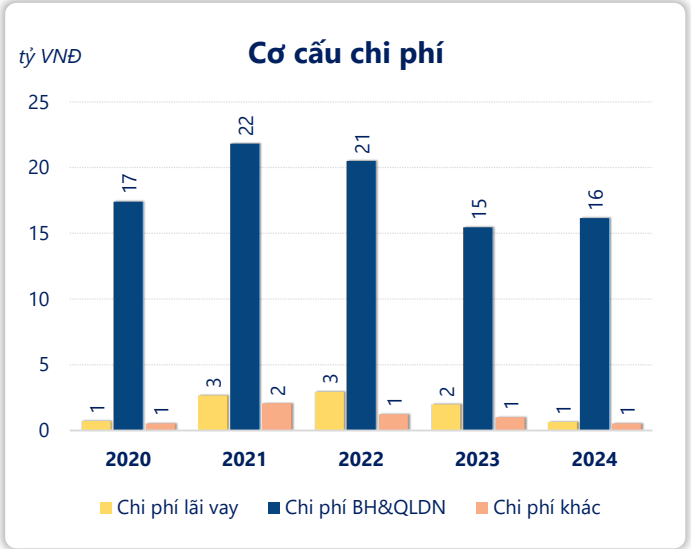




Năm **2024**, **MRF** ghi nhận doanh thu thuần **139.7** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **-7.12** tỷ đồng, lần lượt **tăng 0.15%** và **giảm 232%** so với năm trước.

Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -8.86% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

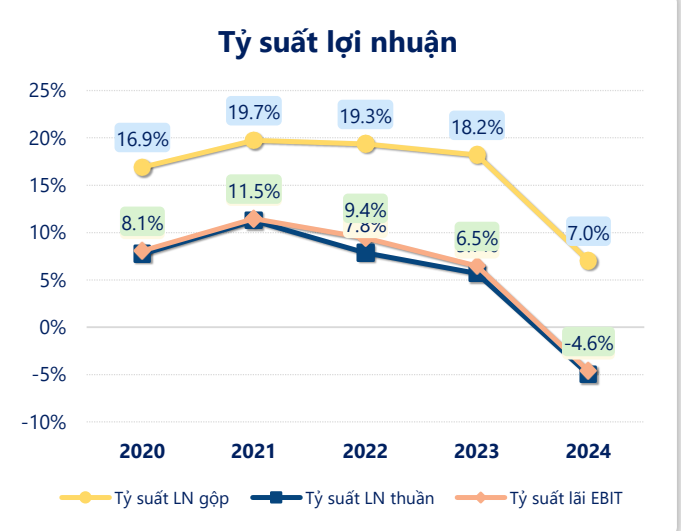


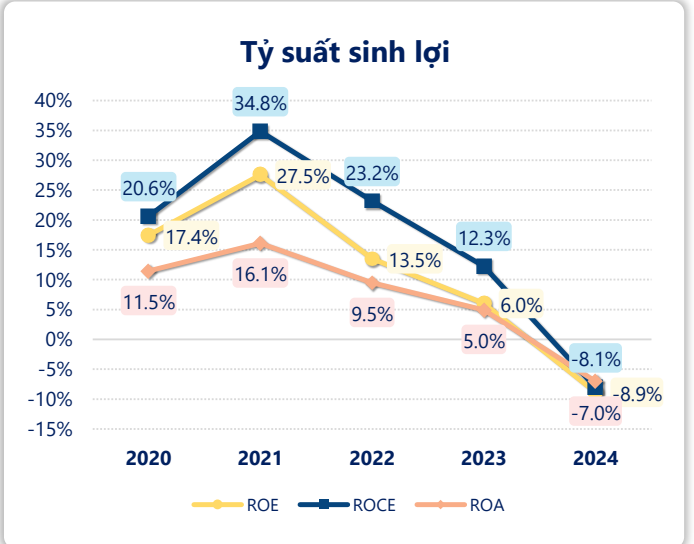


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **MRF** năm **2024 giảm đi 14.89** tỷ so với năm trước, ghi nhận khoản lỗ 6.96 tỷ đồng. Đây là khoản **lỗ từ hoạt động kinh doanh lớn nhất 5 năm qua**. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

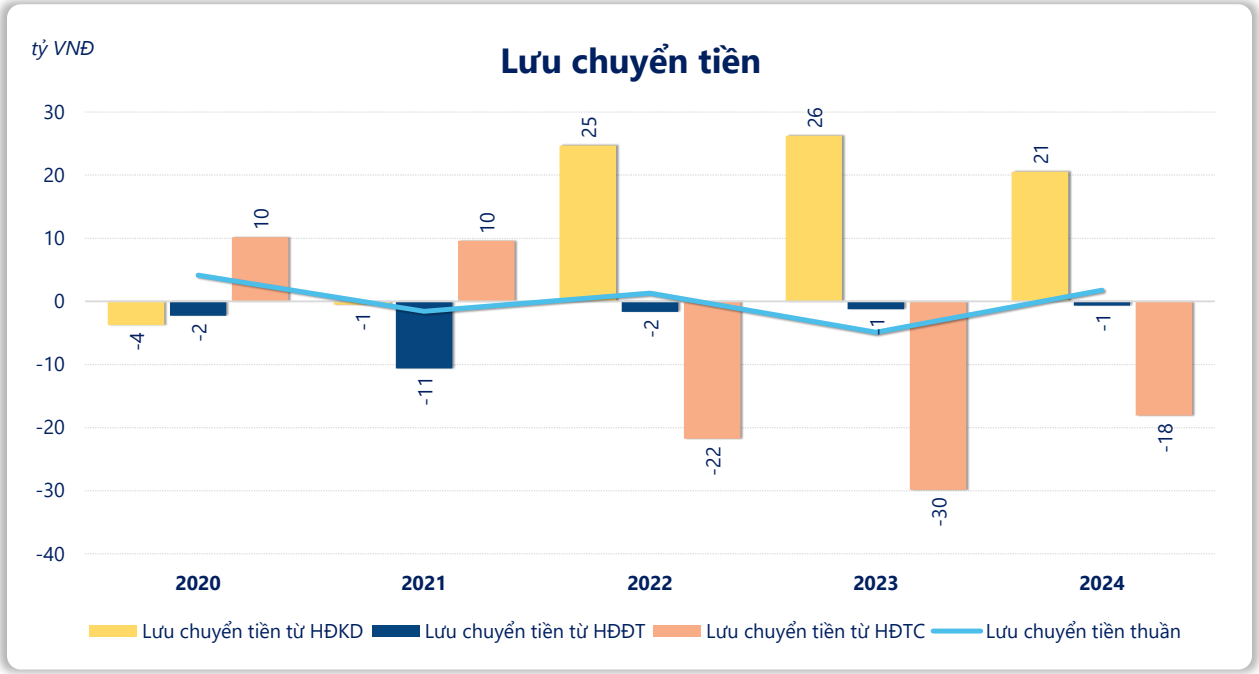
Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **0.64** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **16.15** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.53** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của MRF năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **-8.86%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**198**	**285**	**202**	**139**	**140**
Giá vốn hàng bán	164	228	163	114	130
Lợi nhuận gộp	**33.4**	**56.2**	**39.1**	**25.4**	**9.79**
Doanh thu HĐTC	0.15	0.53	0.23	0.01	0.04
Chi phí TC	0.88	2.88	2.99	2.00	0.64
Chi phí lãi vay	**0.71**	**2.66**	**2.94**	**1.99**	**0.64**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	6.79	9.06	7.49	5.86	4.64
Chi phí QLDN	10.6	12.8	13.0	9.60	11.5
LN thuần từ HĐKD	**15.3**	**32.0**	**15.9**	**7.93**	**-6.96**
Lợi nhuận khác	-0.08	-2.04	0.27	-0.91	-0.15
LN trước thuế	**15.2**	**29.9**	**16.1**	**7.02**	**-7.12**
Lợi nhuận sau thuế	**13.0**	**23.7**	**12.7**	**5.41**	**-7.12**
LNST của CĐ cty mẹ	**13.0**	**23.7**	**12.7**	**5.41**	**-7.12**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của MRF bằng **1.75** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-4.89 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **20.54** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-0.68** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-18.10** tỷ đồng.